

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07/7/2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 292/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh Ng, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Ng trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Ng và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương), trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc, ông bà đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Trong cuộc sống vợ chồng, bà Ng chịu đựng và hy sinh bản thân vì thương con nhưng hiện nay tình cảnh của mẹ con bà gặp nguy hiểm vì ông T cầm dao hăm dọa giết vợ và gia đình bên vợ nên bà đã ra ngoài thuê nhà sống cùng đứa con trai nhỏ và cháu gái. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng

không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/6/2010, con chung tên Nguyễn Thành L đã trưởng thành bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thành L2 đã trên 07 tuổi nên bà Ng tôn trọng theo nguyện vọng của con, con có nguyện vọng sống cùng với bà Ng, bà Ng đồng ý nuôi con, bà Ng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, ông T thống nhất với lời trình bày của bà Ng, còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T không đồng ý, theo ông nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng ông có cãi nhau, bà Ng ra ngoài thuê nhà sống riêng, ông T mong muốn bà Ng dọn về nhà sống chung không thuê nhà trọ riêng nữa, còn về đánh bạc thì ông T không đánh thường xuyên, ông chỉ đánh 01 lần. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau 01 năm nay. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà Ng thì ông T không đồng ý, vì các con còn nhỏ, ông T muốn các con phải có cả cha và mẹ cùng nuôi dưỡng, mặt khác ông T muốn vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ, cùng nhau hàn gắn, đoàn tụ để lo cho con nên ông T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu trường hợp bà Ng không muốn đoàn tụ và kiên quyết ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/6/2010, con chung Nguyễn Thành L đã trưởng thành ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thành L2 đã trên 07 tuổi, ông T tôn trọng theo nguyện vọng của con, con có nguyện vọng sống cùng với bà Ng, ông T đồng ý cho bà Ng nuôi con, về vấn đề cấp dưỡng thì ông T tự nguyện thực hiện, không yêu cầu ghi nhận vào biên bản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông T muốn hàn gắn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà Ng cũng không muốn quay về sống chung với ông T nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Thanh Ng đối với ông Nguyễn Thành T; về con chung: Con chung Nguyễn Thành L, sinh năm 1998 đã trưởng thành các đương sự

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Giao con chung Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/6/2010 cho bà Ng nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại khu phố 1, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Ng và bị đơn ông Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh Ng và ông Nguyễn Thành T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc, ông bà đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại ông bà đã sống ly thân với nhau, nhưng ông cho rằng có thể hàn gắn được, ông mong muốn vợ chồng có thể quay về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn.

[4] Tại Biên bản xác minh đại diện chính quyền địa phương thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn và đánh nhau, hiện tại thì bà Ng và ông T đã ly thân với nhau.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Ng và bị đơn ông Nguyễn Thành T đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà, ông T muốn hàn gắn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà Ng cũng không muốn quay về sống chung với ông T. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/6/2010. Con chung Nguyễn Thành L đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Bản tự

khai ngày 21/12/2021 cháu Nguyễn Thành L2 có nguyện vọng được sống cùng bà Ng, bà Ng đồng ý nuôi con, ông T cũng đồng ý cho bà Ng nuôi con nên HĐXX giao con chung Nguyễn Thành L2 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Ng đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh Ng được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/6/2010 cho bà Trương Thị Thanh Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Nguyễn Thành T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0007786 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Khoa**